

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 173/2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2016

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về tổ chức và hoạt động
của Thanh tra ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;**Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của cơ quan Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thanh tra viên, công chức, cộng tác viên thanh tra ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trang phục, phương tiện, thiết bị kỹ thuật và kinh phí hoạt động; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thanh tra ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ chấp hành quy định của pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch.

Chương II
TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN
CỦA THANH TRA NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**Điều 3. Cơ quan Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

1. Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi tắt là Thanh tra bộ).
2. Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thanh tra Sở Văn hóa và Thể thao, Thanh tra Sở Du lịch (sau đây gọi tắt là Thanh tra sở).

Điều 4. Tổ chức của Thanh tra bộ

1. Thanh tra bộ là cơ quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi tắt là Bộ trưởng) quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra bộ có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên và công chức.

Chánh Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi tắt là Chánh Thanh tra bộ) do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ.

Phó Chánh Thanh tra bộ do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra bộ. Phó Chánh Thanh tra bộ giúp Chánh Thanh tra bộ thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh Thanh tra bộ. Số lượng Phó Chánh Thanh tra bộ không quá 03 người.

3. Thanh tra bộ có các phòng nghiệp vụ, Bộ trưởng quyết định thành lập các phòng thuộc Thanh tra bộ.

4. Thanh tra bộ có con dấu, tài khoản riêng.

5. Thanh tra bộ chịu sự chỉ đạo, điều hành của Bộ trưởng và chịu sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra bộ

Thanh tra bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 18 Luật thanh tra và Điều 7 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật theo sự phân công của Bộ trưởng.

2. Xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm trình Bộ trưởng phê duyệt.

3. Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đối với Thanh tra sở.

4. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân.

5. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Bộ trưởng, Chánh Thanh tra bộ.

6. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng.

7. Thực hiện công tác tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

8. Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng, Tổng Thanh tra Chính phủ về kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc do Bộ trưởng giao.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra bộ

Chánh Thanh tra bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 19 Luật thanh tra và Điều 8 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Quyết định thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và thành lập Đoàn thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

2. Giúp Bộ trưởng kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng khi được giao và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

3. Xác minh nội dung tố cáo, kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ trưởng khi được giao và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về tố cáo.

4. Tổ chức tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

5. Giúp Bộ trưởng chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng.

6. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc do Bộ trưởng giao.

Điều 7. Tổ chức của Thanh tra sở

1. Thanh tra sở là cơ quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch giúp Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Du lịch (sau đây gọi tắt là Giám đốc sở) tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra sở có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên và công chức.

Chánh Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chánh Thanh tra sở Văn hóa và Thể thao, Chánh Thanh tra Sở Du lịch (sau đây gọi tắt là Chánh Thanh tra sở) do Giám đốc sở bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Chánh Thanh tra tỉnh).

Phó Chánh Thanh tra sở do Giám đốc sở bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra sở. Phó Chánh Thanh tra sở giúp Chánh Thanh tra sở thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh Thanh tra sở.

3. Thanh tra sở có con dấu, tài khoản riêng.

4. Thanh tra sở chịu sự chỉ đạo, điều hành của Giám đốc sở; chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra bộ.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra sở

Thanh tra sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 24 Luật thanh tra và Điều 13 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm trình Giám đốc sở phê duyệt.
2. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng.
3. Tiếp công dân theo quy định của pháp luật.
4. Tổng hợp, báo cáo Giám đốc sở, Chánh Thanh tra tỉnh về kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; báo cáo Chánh Thanh tra bộ về công tác thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân trong lĩnh vực Văn hóa, Gia đình, Thể thao và Du lịch.
5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc do Giám đốc sở giao.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra sở

Chánh Thanh tra sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 25 Luật thanh tra và Điều 14 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Quyết định thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và thành lập Đoàn thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.
2. Giúp Giám đốc sở kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Giám đốc sở khi được giao và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về khiếu nại.
3. Xác minh nội dung tố cáo, kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc sở khi được giao và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về tố cáo.
4. Tổ chức tiếp công dân theo quy định của pháp luật.
5. Giúp Giám đốc sở chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Giám đốc sở.
6. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc do Giám đốc sở giao.

Chương III
HOẠT ĐỘNG THANH TRA
NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Điều 10. Hoạt động thanh tra hành chính

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

2. Hoạt động thanh tra hành chính thực hiện theo quy định từ Điều 43 đến Điều 50 Luật thanh tra, từ Điều 19 đến Điều 31 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác về thanh tra hành chính.

Điều 11. Hoạt động thanh tra chuyên ngành

1. Thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

2. Hoạt động thanh tra chuyên ngành thực hiện theo quy định từ Điều 51 đến Điều 56 Luật thanh tra, từ Điều 14 đến Điều 32 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành.

Điều 12. Nội dung thanh tra chuyên ngành Văn hóa - Gia đình

1. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể (di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, bảo tàng); điều kiện kinh doanh giám định cổ vật; điều kiện hành nghề tu bổ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

2. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất phim; phát hành phim; phổ biến phim.

3. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật:

a) Về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác; tác phẩm báo chí; tác phẩm âm nhạc; tác phẩm sân khấu; tác phẩm điện ảnh; tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng; tác phẩm nhiếp ảnh; tác phẩm kiến trúc; bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học; tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian; chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu; tác phẩm phái sinh;

b) Về quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn; bản ghi âm, ghi hình; chương trình phát sóng; tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa;

c) Về quyền tác giả, quyền liên quan đối với các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan.

4. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động quảng cáo, biển hiệu, quảng cáo có yếu tố nước ngoài theo thẩm quyền.

5. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động thư viện.

6. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

7. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động mỹ thuật; nhiếp ảnh; triển lãm.

8. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh; xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

9. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tổ chức lễ hội; hoạt động vũ trường; hoạt động karaoke; hoạt động trò chơi điện tử (trừ trò chơi điện tử trên mạng).

10. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

11. Thanh tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật liên quan đến hoạt động văn hóa, gia đình.

Điều 13. Nội dung thanh tra chuyên ngành Thể dục, thể thao

1. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thể dục, thể thao quần chúng.

2. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thể thao thành tích cao; thể thao chuyên nghiệp.

3. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về cơ sở thể thao; điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

4. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thể dục, thể thao của các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

5. Thanh tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật liên quan đến hoạt động thể dục, thể thao.

Điều 14. Nội dung thanh tra chuyên ngành Du lịch

1. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh lữ hành quốc tế, kinh doanh đại lý lữ hành.

2. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh lưu trú du lịch.

3. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hướng dẫn du lịch.

4. Thanh tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật liên quan đến hoạt động du lịch.

Điều 15. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm

1. Căn cứ vào định hướng chương trình thanh tra, hướng dẫn của Tổng Thanh tra Chính phủ và yêu cầu công tác quản lý của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thanh tra bộ có trách nhiệm xây dựng và trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm.

2. Căn cứ vào kế hoạch thanh tra của Thanh tra bộ, Thanh tra tỉnh và yêu cầu công tác quản lý của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại địa phương, Thanh tra sở xây dựng kế hoạch thanh tra, trình Giám đốc sở chậm nhất vào ngày 05 tháng 12 hàng năm.

Giám đốc sở phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm.

3. Kế hoạch thanh tra quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được gửi cho đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 16. Xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra

1. Trong trường hợp kế hoạch thanh tra của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và kế hoạch thanh tra của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch có chồng chéo thì thực hiện theo kế hoạch thanh tra của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Chánh Thanh tra bộ phối hợp với Chánh Thanh tra các bộ, ngành giải quyết việc chồng chéo trong hoạt động thanh tra của cơ quan thanh tra các bộ, ngành; phối hợp với Chánh Thanh tra tỉnh giải quyết việc chồng chéo trong hoạt động thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch với cơ quan thanh tra của địa phương.

3. Chánh Thanh tra sở báo cáo Chánh Thanh tra tỉnh xử lý việc chồng chéo trong hoạt động thanh tra của Thanh tra sở với các cơ quan thanh tra của địa phương.

Điều 17. Thanh tra lại

1. Chánh Thanh tra bộ quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết luận thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Bộ trưởng giao.

2. Trình tự, thủ tục thanh tra lại được thực hiện theo quy định từ Điều 48 đến Điều 52 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và từ Điều 33 đến Điều 38 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

Điều 18. Chế độ báo cáo công tác thanh tra

1. Thanh tra bộ báo cáo Bộ trưởng, Tổng Thanh tra Chính phủ về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm được giao theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra sở báo cáo Giám đốc sở, Chánh Thanh tra tỉnh về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; báo cáo Chánh Thanh tra bộ về công tác thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân trong lĩnh vực Văn hóa, Gia đình, Thể thao và Du lịch.

Chương IV

THANH TRA VIÊN, CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Điều 19. Thanh tra viên

1. Thanh tra viên ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch là công chức của Thanh tra bộ, Thanh tra sở được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chánh Thanh tra bộ, Chánh Thanh tra sở.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn của Thanh tra viên được quy định tại Điều 31, Điều 32 và Điều 33 Luật thanh tra 2010; Điều 2, Điều 3, Điều 5, Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra (sau đây gọi tắt là Nghị định số 97/2011/NĐ-CP) và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thanh tra viên ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch được cấp trang phục, thẻ thanh tra, cấp hiệu, cầu vai, cấp hàm và được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Cộng tác viên thanh tra

1. Cộng tác viên thanh tra ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch là công chức, viên chức nhưng không thuộc biên chế của các cơ quan thanh tra nhà nước, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan; có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ thanh tra của cơ quan trung tập.

2. Cộng tác viên thanh tra ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch là người được Thanh tra bộ, Thanh tra sở trung tập tham gia Đoàn thanh tra.

3. Cộng tác viên thanh tra ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch có nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 24 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP và được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về thanh tra và pháp luật có liên quan.

Chương V

TRANG PHỤC, PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Điều 21. Trang phục, phương tiện, thiết bị kỹ thuật

1. Thanh tra ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch được trang bị trang phục, phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định cụ thể:

a) Trang phục, cấp hiệu, cầu vai, cấp hàm của Thanh tra viên sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ;

b) Danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật, việc bảo quản, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật cho hoạt động thanh tra.

Điều 22. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của cơ quan Thanh tra ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch do ngân sách nhà nước bảo đảm. Việc cấp, quản lý và sử dụng ngân sách của cơ quan Thanh tra ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan Thanh tra ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch được trích một phần số tiền từ các khoản thu hồi phát hiện qua thanh tra thực nộp vào ngân sách nhà nước để hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động thanh tra, tăng cường cơ sở vật chất và khen thưởng, động viên tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác thanh tra.

Chương VI TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thanh tra trong phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Phê duyệt chương trình kế hoạch thanh tra hàng năm.

3. Xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị về công tác thanh tra.

4. Kiện toàn tổ chức, bố trí công chức có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức làm công tác thanh tra; tổ chức, chỉ đạo và bảo đảm điều kiện hoạt động cho công tác thanh tra.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức, chỉ đạo, thực hiện việc kiện toàn cơ cấu tổ chức, biên chế, trang phục, phương tiện, thiết bị kỹ thuật và kinh phí hoạt động của Thanh tra sở theo đề nghị của Giám đốc sở.

2. Ban hành quy chế phối hợp hoạt động giữa Thanh tra sở và các cơ quan công an, quản lý thị trường, thanh tra chuyên ngành khác, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan tổ chức có liên quan trên địa bàn.

Điều 25. Trách nhiệm của Giám đốc sở

1. Lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thanh tra trong phạm vi quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch.

2. Chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm.

3. Xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị về công tác thanh tra.

4. Kiện toàn tổ chức và bảo đảm kinh phí, điều kiện hoạt động của Thanh tra sở theo thẩm quyền.

5. Giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc về công tác thanh tra; xử lý vấn đề chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra thuộc phạm vi quản lý của mình.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Thanh tra bộ phối hợp với các đơn vị trực thuộc Thanh tra Chính phủ; cơ quan chức năng, Thanh tra các bộ, ngành; Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thanh tra tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch và các cơ quan có liên quan trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

2. Thanh tra sở phối hợp với Thanh tra bộ; Thanh tra tỉnh; cơ quan chuyên môn, Thanh tra các sở, ngành của tỉnh; Thanh tra huyện, Phòng Văn hóa - Thông tin và các cơ quan có liên quan trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng.

Điều 27. Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong hoạt động thanh tra. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra theo quy định pháp luật.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

2. Nghị định số 71/2009/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc